

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THỊ XÃ DUYÊN HẢI Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH TRÀ VINH

Bản án số: 15/2024/DS-ST

Ngày 28-5-2024

*V/v: Tranh chấp về thường thiệt hại tài
sản ngoài hợp đồng*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Tấn Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Quốc Võ

2. Ông Hà Văn Quen

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Chăm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải tham gia phiên tòa:
Bà Đỗ Thị Thuý Trang, Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 5 năm 2024 tại phòng xử án Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 30/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 01 năm 2024 về việc việc “*Tranh chấp về bồi thường thiệt hại tài sản ngoài hợp đồng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2024/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Nữ S sinh năm 1969 (Có mặt)

Địa chỉ: Khóm B, Phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh

Bị đơn: Ông Nguyễn Duy T, sinh năm 1980 (Có mặt)

Địa chỉ: Khóm B, Phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 01 năm 2024 của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nữ S; lời khai và lời trình bày của bà Nguyễn Thị Nữ S trong quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa thể hiện như sau:

Khoảng hai năm nay ông Nguyễn Duy T có cho bà mượn đất để nuôi tôm cua tại Khóm B, Phường B, thị xã D, tỉnh Trà Vinh. Trước ngày bà khởi kiện khoảng 04 tháng, ông T có nói cho bà biết là ông T sẽ lấy lại một hồ. Bà có nói với ông T khi nào lấy thì cho bà hay để bà thu hoạch tôm cua cá trả hồ cho ông

T. Tuy nhiên, qua 04 tháng mà không thấy ông T nói gì . Do thấy hồ bỏ trống cũng tiếc nên bà bung tôm cua từ hồ đang nuôi ra hồ bỏ trống mà ông T dự định lấy lại.

Vào ngày 11/12/2023, ông T có điện thoại cho bà nhưng do bà bận làm không nghe điện thoại được. Sau khi bà về nhà thì thấy ông T cho người mở cống hồ làm tôm cua cá do bà nuôi trong hồ ra ngoài gây thiệt hại cho bà.

Sau khi xảy ra sự việc, bà có đặt lú bắt được một ít tôm cua cá đem bán được 626.000 đồng. Bà có trình báo cho Ban N1 Phường 2 biết và yêu cầu giải quyết nhưng bà không thương lượng được với ông T.

Về phần thiệt hại, do tôm cua nuôi được hơn 04 tháng nên bà chỉ yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Nguyễn Duy T bồi thường cho bà tiền tôm giống là 300.000 đồng, cua giống là 1.400.000 đồng và tiền thức ăn là 2.400.000 đồng.

Theo bản tự khai và lời trình bày trong quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên toà, bị đơn ông Nguyễn Duy T đã trình bày như sau:

Thời gian trước đây ông có cho bà Nguyễn Thị N Sáu mượn một cái hồ phía trong để nuôi tôm cua. Ông có nói khi nào nuôi xong ông sẽ lấy lại. Cách nay hơn 06 tháng ông có cho bà S biết là sẽ lấy đất lại để đổ mặt bằng phân lô ra bán. Bà S đồng ý nhưng vẫn tự ý tiếp tục thả nuôi tôm cua vào hồ phía trong mà ông không biết. Sau đó, bà S bung tôm cua nuôi từ hồ trong ra hồ ngoài. Cách nay mấy tháng ông có điện thoại cho bà S mấy lần để kêu bà S bắt tôm cua trả hồ lại cho ông nhưng bà S không nghe điện thoại. Ông nhắn tin bà S cũng không trả lời. Tiếp tục ngày hôm sau ông cũng điện thoại cho bà S nhưng bà S cũng không nghe điện thoại. Do điện thoại hư nên ông không cung cấp chứng cứ cuộc gọi, tin nhắn cho Toà án. Ông mới kêu người làm cho ông xuống hồ thật rửa cống cho sạch rong rêu. Sau đó, người làm của ông đã lấy đồ bịt cống lại chứ không có xả hết nước trong hồ ra ngoài.

Việc bà S đổ lỗi cho rằng ông cho người xả nước trong hồ làm tôm cua của bà nuôi ra ngoài là không đúng. Ông không có lỗi gì nên không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bà S.

Trong phần đầu của phiên toà, Hội đồng xét xử đã tập trung phân tích, giải thích, thuyết phục hai bên đương sự xem xét thoả thuận giải quyết vụ án nhưng nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nữ S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, Bị đơn ông Nguyễn Duy T vẫn giữ nguyên ý kiến không chấp nhận bồi thường theo yêu cầu của bà S. Trong phần tranh luận tại phiên toà, nguyên đơn và bị đơn vẫn tiếp tục giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến của mình. Các đương sự không tranh luận gì và yêu cầu Toà án xem xét giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử: Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử có mặt tại Tòa đã thực hiện đúng các thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đương sự đã thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

Trên cơ sở phân tích nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về án phí: Đề nghị buộc đương sự phải chịu án phí theo quy định.

- Về kiến nghị khắc phục: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về chứng cứ: Các đương sự có mặt tại phiên tòa đều không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác và không đề nghị Tòa án xác minh, lấy lời khai của người làm chứng cũng như không đề nghị triệu tập thêm ai đến phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào toàn bộ tài liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp và Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án; lời trình bày của đương sự và quy định của pháp luật để xét xử vụ án.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ vào toàn bộ lời khai, lời trình bày của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy ông Nguyễn Duy T có cho bà Nguyễn Thị N Sáu mượn một cái hồ để bà S nuôi tôm cua là có thật. Cả nguyên đơn và bị đơn cũng thừa nhận khi nào ông T muốn lấy lại hồ cho bà S mượn thì ông T thông báo cho bà S biết. Và thực tế là trước khi xảy ra sự việc tranh chấp thì ông T có thông báo cho bà S biết là sẽ lấy hồ lại nhưng thay vì thu hết tôm cua trả hồ cho ông T như thỏa thuận thì bà S cho rằng thấy tiếc nên tiếp tục bung (thả) tôm cua đang nuôi ở hồ trong ra hồ ngoài. Chính điều này đã gây cản trở cho kế hoạch sử dụng đất của ông T.

Ông T cũng biết trong hồ vẫn có tôm cua của bà S nuôi. Việc ông T không gặp trực tiếp bà S để nói cho rõ việc ông sẽ lấy hồ nhưng ông lại cho người thụt thông cống làm tôm cua theo nước ra ngoài, với lý do đất của ông thì ông muốn làm gì cũng được là chưa đúng. Tuy nhiên, xét việc làm này của ông T cũng xuất phát từ sự bức xúc của ông T đối với bà S. Vì trước ngày xảy ra vụ việc (ngày 11/12/2023), ông T có điện thoại cho bà S để kêu bà S thu bắt tôm cua trả hồ cho ông nhưng bà S không nghe máy. Chính bà S cũng thừa nhận ông T có điện thoại nhưng do bà đi làm nên không nghe máy được. Tuy nhiên, sau

đó bà S cũng không gọi lại cho ông T để hỏi xem có việc gì hay không là cũng không đúng nên cũng có lỗi.

Về việc xác định thiệt hại, bà S cho rằng bà đã mua tôm giống số tiền 300.000 đồng, mua cua giống số tiền 1.400.000 đồng và mua thức ăn nuôi tôm cua là 2.400.000 đồng và đã nuôi được một thời gian. Nội dung này, Hội đồng xét xử xét thấy mặc dù bà S có trình bày và cung cấp chứng cứ chứng minh có việc mua tôm, cua giống và thức ăn nuôi tôm cua với số tiền như bà trình bày nhưng bà không chứng minh được tại thời điểm xảy ra sự việc thì thiệt hại cụ thể là như thế nào. Hội đồng xét xử cũng không thể xác định được số tôm cua cá của bà S trong hồ còn lại là bao nhiêu. Tuy nhiên, sau khi xảy ra sự việc thì bà S vẫn đặt lú bắt được tôm cua còn sót và có đem số tôm cua này trình báo cho Ban N1. Như vậy, có thể xác định được trước khi ông T cho người lau rửa cống thì trong hồ vẫn còn tôm cua của bà S nuôi.

Trên cơ sở phân tích thiệt hại và lỗi của các bên đương sự, để đảm bảo sự công bằng, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của người dân, tránh gây thiệt hại tài sản không mong muốn cho người khác, trên cơ sở đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử đã thảo luận, cân nhắc và xác định trong sự việc này bà Nguyễn Thị Nữ S và ông Nguyễn Duy T đều có một phần lỗi. Bà S đã thu được tôm cua được 626.000 đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định buộc ông Nguyễn Duy T có nghĩa vụ bồi thường cho bà Nguyễn Thị N Sáu số tiền 600.000 đồng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của bị đơn được Toà án chấp nhận một phần và không chấp nhận một phần nên nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nữ S và bị đơn ông Nguyễn Duy T mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Nữ S được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Nữ S. Buộc ông Nguyễn Duy T phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị N Sáu số tiền là 600.000 đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị N Sáu yêu cầu ông Nguyễn Duy T bồi thường số tiền là 3.500.000 đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Nữ S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Nữ S đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002146 ngày 19 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duyên Hải. Như vậy, bà Nguyễn Thị Nữ S đã nộp xong án phí.

Buộc ông Nguyễn Duy T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng.

3. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Nữ S, bị đơn ông Nguyễn Duy T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TX. Duyên Hải;
- Chi cục THADS TX. Duyên Hải;
- Dương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án. (9 bản)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Tấn Thanh